

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09-01-2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cử

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuất Thị Thanh
Bà Triệu Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Linh Đức Minh - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT: Số nhà 402, đường L, tổ 05, phường H, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú: Thôn Tr, xã T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bàn Vũ C, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà 402, đường L, tổ 05, phường H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2025, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị X trình bày:

Chị và anh Bàn Vũ C trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, đến ngày 30/06/2009 có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, có sự khác nhau về quan điểm và cách sống dẫn

đến bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. Chị X và anh C đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị X làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bàn Vũ C để mỗi người có một cuộc sống riêng.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị Đỗ Thị X và anh Bàn Vũ C có 02 con chung là Bàn Đỗ Thiên B, sinh ngày 04/02/2010 và cháu Bàn Trúc L, sinh ngày 17/6/2013. Sau khi ly hôn Chị X có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị X tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản trình bày ý kiến và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 17/11/2025 của anh Bàn Vũ C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị X tìm hiểu và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (cũ). Tuy nhiên, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp, hay xảy ra tranh cãi trong gia đình. Mâu thuẫn đã được được anh em gia đình, bạn bè, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vì vậy, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Chị X viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tuyên Quang giải quyết ly hôn với anh thì anh nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và Chị X được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh và Chị X có 02 con chung là Bàn Đỗ Thiên B, sinh ngày 04/02/2010 và cháu Bàn Trúc L, sinh ngày 17/6/2013. Khi ly hôn anh C có nguyện giao các con chung cho Chị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh C sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Bàn Vũ C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên họp, phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa Chị X và anh C. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị Đỗ Thị X thể hiện: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Bàn Vũ C. Về con chung: Chị X có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bàn Đỗ Thiên B, sinh ngày 04/02/2010 và cháu Bàn Trúc L, sinh ngày 17/6/2013 đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng

10.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản, công nợ chung Chị X không yêu cầu giải quyết; Về án phí Chị X tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

- Về tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ, đúng các trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự, đúng quy định của pháp luật.

- Về những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị X.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị X và anh Bàn Vũ C được ly hôn.

+ Về con chung: Giao cháu Bàn Đỗ Thiên B, sinh ngày 04/02/2010 và Bàn Trúc L, sinh ngày 17/6/2013 cho chị Đỗ Thị X nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi 02 cháu trưởng thành, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bàn Trúc L mỗi tháng 10.000.000 đồng, Chị X là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng thay cho cháu L, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến cháu L đủ 18 tuổi. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu do đó không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị X phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bàn Vũ C, cư trú tại số nhà 402, đường L, tổ 05, phường H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị X và bị đơn anh Bàn Vũ C đều vắng mặt có lý do (*có đơn xin xét xử vắng mặt*). Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị X và anh Bàn Vũ C trước khi kết hôn hoàn toàn được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tuyên Quang) nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa Chị X và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh C, Chị X chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hòa thuận, hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn của Chị X, anh C đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng cũng không có kết quả, hai vợ chồng Chị X đã sống ly thân với nhau đến nay đã nhiều năm nên Chị X có đơn xin ly hôn với anh C. Qua quá trình xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ và ý kiến trình bày của Chị X, anh C, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa Chị X và anh C mâu thuẫn thực sự đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị X và anh C đã sống ly thân được khoảng 06 năm cho đến thời điểm hiện tại. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị X, xử cho chị Đỗ Thị X được ly hôn với anh Bàn Vũ C là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Đỗ Thị X và anh Bàn Vũ C đều xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung là Bàn Đỗ Thiên B, sinh ngày 04/02/2010 và Bàn Trúc L, sinh ngày 17/6/2013. Sau khi xem xét ý kiến của các bên đương sự và nguyện vọng của cháu B, cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao cháu Bàn Đỗ Thiên B, cháu Bàn Trúc L cho chị Đỗ Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bàn Vũ C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Bàn Trúc L mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện sống của các cháu hiện tại.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đỗ Thị X, anh Bàn Vũ C không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị X có ý kiến xin được chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật và bị đơn anh Bàn Vũ C cũng hoàn toàn nhất trí. **Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” . Hội đồng xét xử, buộc chị Đỗ Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và buộc anh Bàn Vũ C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.**

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa đồng thuận với ý kiến của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 4, 6 và 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị X.

2. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thị X được ly hôn với anh Bàn Vũ C.

3. **Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:** Giao cho chị Đỗ Thị X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bàn Đỗ Thiên B, sinh ngày 04/02/2010 và Bàn Trúc L, sinh ngày 17/6/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Bàn Vũ C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Bàn Trúc L mỗi tháng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L trưởng thành, đủ 18 tuổi. **Chị X là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng thay cho cháu L.**

Sau khi ly hôn, anh Bàn Vũ C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. **Về án phí:** Chị Đỗ Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do chị Đỗ Thị X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001053 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tuyên Quang (**Chị X đã nộp đủ án phí**). Anh Bàn Vũ C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. **Quyền kháng cáo:** Chị Đỗ Thị X và anh Bàn Vũ C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 4 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nguyễn Ngọc Cử